

Chân Ngôn là:

“Chi ba trác (Quyết định) Tỳ ni ba trác (Cắt đứt cột buộc) Điều tô ba trác (chấm dứt sinh tử)”

Chú này, bình thường buổi sáng tụng 7 biến, ban đêm tụng 7 biến thì Yêm My, Dạ Đạo, Cổ Độc thầy đều bị tiêu diệt. Hay được 3 Giải Thoát về thân tâm. Sau đời này chẳng thọ thân sinh tử, đắc được Pháp Thân. Bên trong bên ngoài đất nước có oán tặc, tất cả người ác, tất cả Quỷ Thần, tất cả trộm cướp, cộm, sói, sư tử, trùng độc, thú ác nghe âm thanh của Chú này đều bị cấm khẩu chẳng thể gây nhiều loạn được. Trời thay đổi gây ách nạn, mộng ác, tai ương, trăm loài chim quái dị đều tự nhiên bị tiêu diệt. Chẳng thể nói hết được công năng của Chú này.

Diên Mệnh Ấn: Tay trái: ngón Hỏa (ngón giữa) và ngón Phong (ngón trỏ) vịn nhau như cầm hoa sen. Tay phải: duỗi thẳng như buông rũ xuống. Chân Ngôn là:

“Án _ Ma chiết la, dụ toái (Con họ tên là) sa phộc ha”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*)OM _ VAJRA ĀYUṢAI (.....) SVĀHĀ

Nếu tụng Chú này sẽ Diên mệnh (sống lâu) trừ tai

Đế Thích Thiên Ấn: Tay trái nắm quyền đặt ở eo. Tay phải co lỏng giữa của 2 ngón Địa (ngón út), ngón Thủy (ngón vô danh) thẳng cứng cùng dính nhau, đặt Phong (ngón trỏ) dính vào lưng Hỏa (ngón giữa), co lỏng giữa của Không (ngón cái).



Chân Ngôn là :

“Án _ Nhân nại la dã, sa-phộc hạ”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*)OM _ INDRĀYA SVĀHĀ

Nếu tụng Chú này sẽ trao cho quan vị, mãn túc mọi mong cầu

Tỳ Sa Môn Thiên Ấn: Chắp tay lại giữa rỗng. Giao 2 Không (2 ngón cái) kèm cứng, 2 Phong (2 ngón trỏ) phụ bên cạnh 2 Hỏa (2 ngón giữa) như đầu móc câu sao cho đầu ngón cách nhau một thốn và chẳng chạm dính nhau.



Chân Ngôn là:

“Án _ Phệ thất la phộc noa dã, sa-phộc hạ”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*)OM _ VAISRAVANĀYA SVĀHĀ

Nếu tụng Chú này sẽ được sung túc giàu có lớn, ngày đêm được phòng hộ.

Nhật Thiên Chân Ngôn là:

“**Năng mô la đất-năng đất-la dạ dã. Năng mô tô lý dã, tát phộc năng khát-sái đất-la la nhạ dã. Án_ A mô già ô (Danh vị ...) Thiết đề, sa-phộc hạ**”

ॐ नमो रत्नत्रयै

ॐ नमो सुव्रत सत् नक्षत्रै र्नायै

ॐ अमोघस्यै त्रिशूलै स्वहा

*)**NAMO RATNA-TRAYĀYA**

NAMO SŪRYA SARVA NAKṢATRA RĀJĀYA

OM _ AMOGHASYA (Danh vị) ŚATRI SVĀHĀ

Nguyệt Thiên Chân Ngôn là:

“**Án_ Chiến đất-la năng khát-sái đất-la la nhạ dã (Danh vị ...) Thiết đề, sa-phộc hạ**”

ॐ वक्र नक्षत्रै र्नायै त्रिशूलै स्वहा

*)**OM_ CANDRA NAKṢATRA RĀJĀYA (Danh vị) ŚATRI SVĀHĀ**

Hỏa Tinh Chân Ngôn là:

“**Án_ A nga la lô nghi dã (Danh vị ...) Sa ha**”

ॐ अङ्गारै र्नायै स्वहा

*)**OM_ ANĠĀRAKA ARUGIYA (Danh vị) SVĀHĀ**

Thủy Tinh Chân Ngôn là:

“**Án_ mẫu đà năng khát-sái đất-la nễ năng (Danh vị ...) thể noa ma, sa ha**”

ॐ बुध नक्षत्रै स्वामिनायै स्वहा

*)**OM_ BUDHA NAKṢATRA SVĀMINA (Danh vị) KHEDUMA SVĀHĀ**

Mộc Tinh Chân Ngôn là:

“**Án_ Ba la ha tát bát đề năng ma tử đá phộc năng sur (Danh vị ...) Ma la phộc la đà ninh, sa-phộc hạ**”

ॐ वृक्षमण्डप मण्डपयै माला वार्धया स्वहा

*)**OM_VRĠHASPATIDHA MAPITHAVNAYA (Danh vị ...) MALA VARTHADĪ SVĀHĀ**

Kim Tinh Chân Ngôn là:

“**Án_ Thú yết la nga đà phộc la nhạ dã (Danh vị ...) thất lý ca lý, sa-phộc hạ**”

ॐ सुक्र गथारवै र्नायै श्री करै स्वहा

*)**OM_ ŚUKRA GATHARVA RĀJĀYA (Danh vị ..) ŚRĪ KARI SVĀHĀ**

Thổ Tinh Chân Ngôn là :

“**Án_ Xả nê sát tác la , năng khát sát đất la , bả la ha ma năng lô ba dã (Danh vị) phổ sát đề ca lý, sa ha**”

ॐ त्रिशूलै र्नायै ब्रह्मणै स्वहा

*)**OM_ ŚANAISĀCARA NAKṢATRA BRAHMANA RŪPAYA (Danh vị ..) PUṢṬI KARI SVĀHĀ**

Phẩm **Cát Tường Thành Tựu** trong Kinh **Kim Cương Tú Thành Tựu** ghi là: Nay Ta nói về Mật Pháp thành tựu tối diệu của Thế Gian. Các **Tú** (Nakṣatra) như vậy vận hành ở Hư Không. Hoặc 1,2,3,4,5 ... lâm vào Mệnh Tú, Đối Xung Tú, Thiên Di Tú, Đại Sát Nghiệp Tú, An Tú, Bạc Tương Tú, Nô Tỳ Tú của chúng sinh mà gây các ách hại. Bốn Diệu (Grahà) đại ác là Hỏa Diệu, Thổ Diệu, La Hầu, Kế Đô thì rất nặng đối với chúng sinh. Lúc đó nên tu các Phước Nghiệp, bố thí rộng rãi, hiền lành, nhân nghĩa. Hoặc y theo Văn Thù Bát Tự Chân Ngôn, hoặc y theo Xí Thịnh Quang Phật Đỉnh, hoặc y theo Bị Diệp Y Quán Âm, hoặc y theo Nhất Tự Vương Phật Đỉnh lập Đàn Trường **Hộ Ma Tức Tai** to lớn đều y theo Bản Pháp Niệm Tụng cúng dường thì tất cả tai nạn tự nhiên tiêu diệt.

Tác Pháp Thành Tựu thì vào lúc **Tâm Tú** (Jeṣṭha) trực nhật, **Liễu Tú** (Āślesā) trực nhật, **Mão Tú** (Kṛtikā) trực nhật, **Ngưu Tú** (Abhijit) trực nhật chẳng kể ngày tháng cát hung chỉ ở Tú trực nhật này, trong một ngày chẳng ăn chỉ niệm tụng mãn 1080 biến thì mọi Tâm Nguyên sẽ tương ứng liền được Đại Tất Địa.

– Nếu lúc bị ách nạn thì vào ngày sinh của mình (Bản Sinh Nhật) là tương ứng tốt nhất

– Nếu tác Mộc Diệu Thành Tựu Pháp thì vào ngày 16 của tháng là tương ứng tốt nhất

– Nếu tác Hỏa Diệu Thành Tựu Pháp thì lựa ngày trực nhật ấy là tương ứng tốt nhất

– Nếu tác Thổ Diệu Thành Tựu Pháp thì ngày mùng 7 của mỗi tháng là tương ứng tốt nhất

– Nếu tác Kim Diệu Thành Tựu Pháp thì tùy theo sở kiến phương bình đán (?Buổi sáng sớm của phương nhìn thấy) là tương ứng tốt nhất

– Nếu tác Thủy Diệu Thành Tựu Pháp thì y theo Thủy Diệu trực nhật mà tác thành tựu

– Nếu tác La Hầu, Kế Đô Pháp thì y theo ngày sinh của mình (Bản Sinh Nhật) mà làm tương ứng

– Nếu lại cúng dường **Bản Sinh Tú** thì dùng năm tháng sinh của mình (Bản Sinh Niên Nguyệt)

– Nếu dùng ngày sinh của mình thì có thể gạt lấy thành tựu

– Nếu Ác Tú sinh thì mỗi tháng đều cúng dường

– Nếu 3 ngày, 7 ngày cúng dường thì chuyển thành Cát Tường Trục Điều Mật này đừng để cho người tục biết vậy.

TÚ DIỆU NGHI QUỸ
MỘT QUYỀN (Hết)

Hiệu chỉnh xong vào ngày 04/10/2010

